

ĐỀ ÔN TẬP HÈ – ĐỀ SỐ 8

MÔN: TIẾNG ANH LỚP 6



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

I. Find the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation.

1. A. study B. sleep C. school D. island
 2. A. improved B. waited C. collected D. attended
 3. A. plane B. camping C. kayaking D. rafting
 4. A. best B. tent C. jacketet D. get
 5. A. checked B. watched C. needed D. wished

II. Choose the correct answers.

6. Last summer we went to Nha Trang beach. It was _____ and _____ so we went swimming every day.
 A. rainy - cloudy B. sunny - cold C. sunny - hot D. stormy - windy
7. My sister enjoys watching _____. She learns a lot of delicious recipes.
 A. action movies B. documentaries C. cookery shows D. cartoons
8. Let's go to the _____ with us this weekend. I know you love riding roller coasters there.
 A. amusement park B. market C. theatre D. stadium
9. In Hanoi, I usually go by _____. It's cheap and quite convenient to use the public transport.
 A. car B. plane C. bus D. motorcycle
10. Linh likes listening to classical music so she usually visits the _____.
 A. circus B. stadium C. concert hall D. exhibition centre
11. Are you going to the supermarket? Can you buy me a _____ of bread and 300 _____ of beef?
 A. slice - kilo B. bar - packet C. loaf - grams D. can - packet
12. Look! John is walking _____ the road.
 A. across B. to C. on D. above
13. When you go camping, you _____ clean the place before coming home.
 A. will B. shouldn't C. have to D. don't have to
14. The sky is blue and clear today. It _____ a beautiful day!
 A. was B. will be C. be D. is going to be
15. If Peter _____ Paris, he _____ us some souvenirs.
 A. visited – will buy B. visits – will buy C. will visit – buy D. visit – buy
16. My grandfather _____ that shelf for us to store our books 5 years ago.
 A. is make B. made C. is making D. didn't make
17. Would you like to join our party this Friday night? – I'm sorry I can't. We _____ visiting our grandparents this weekend.
 A. go B. are C. is D. be

18. I was _____ to see the latest movie but it was _____.

- A. excited - boring B. exciting - bored C. exciting - boring D. bored - excited

19. We _____ less if we _____ our tickets now.

- A. pay – not book B. will pay – will book C. will pay - book D. pay – are
booking

20. Are these _____ notebooks? Anna and Steve said that they aren't _____.

- A. your - them B. you - their C. your - theirs D. you - them

III. Read the text and decide if the statements are True or False.

MARIE CURIE

Marie Curie was a Polish-French scientist who won two Nobel prizes. Her work focused on radioactivity.

Marie Curie was born in Warsaw, Poland on November 7, 1867. Her parents were teachers who valued education. Girls did not go to school in those days, so Marie and her sister, Bronislawa, saved enough money to study in France. In 1891 Maria entered the Sorbonne, a university in Paris. Within three years, Marie completed degrees in physics and math. She began working with a French scientist, Pierre Curie. They got married in 1895.

In 1896 a French scientist named Henri Becquerel discovered the unusual rays of energy from uranium. Marie began studying it, and she named radioactivity. In 1898 the Curies announced their discovery of radium and polonium. In 1903 the Curies shared the Nobel Prize for Physics with Becquerel.

After Pierre died in 1906, Marie carried on their research. She also became the first woman professor at the Sorbonne. In 1911 she won the Nobel Prize for Chemistry. Marie did not realize that working with radioactive material could make her ill. She died on July 4, 1934.

21. Marie Curie was born in France on November 7, 1867.

22. She moved to France to continue her study because girls did not go to school those days.

23. It took Marie four years to finish her university degrees.

24. Marie married a French scientist named Pierre Curie in 1895.

25. Marie won two Nobel Prizes.

IV. Read the text and choose the correct answers.

Dear Julie,

I'm so glad that you are coming to Vietnam for your vacation. It's beautiful! When you're here, you (1) _____ to see some of Vietnam's natural wonders. Moc Chau Highland and Cuc Phuong National (2) _____ are two beautiful places in the (3) _____ of Vietnam. There are some really pretty villages, huge forests and amazing waterfalls. We can go to both places by (4) _____ or bus. You should also go to Phu Quoc (5) _____ and Lang Co Bay. They have white sand beaches. You should go scuba diving and snorkeling there. Those places are famous for their delicious seafood, too. We can visit Phu Quoc by plane or boat.

See you soon,

Minh.

26. A. will B. should C. should travel D. won't travel
27. A. waterfall B. mountain C. park D. river
28. A. west B. north C. south D. east
29. A. train B. bike C. boat D. taxis
30. A. highland B. island C. waterfall D. mountain

VII. *Make a suitable question for the underlined part in each sentence.

31. Vincent van Gogh was born in the Netherlands.

32. My mom is cooking dinner in the kitchen.

33. Our family went to Lang Co Bay last summer holiday.

***Rewrite the following sentences without changing the meaning.**

34. It isn't a good idea to speak loudly in a museum. (should)

35. It's a possibility that our class will visit the amusement park this weekend. (might)

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

1. D	2. A	3. A	4. C	5. C	6. C	7. C	8. A	9. C	10. C
11. C	12. A	13. C	14. D	15. B	16. B	17. B	18. A	19. C	20. C
21. F	22. T	23. F	24. T	25. T	26. C	27. C	28. B	29. A	30. B

31. Where was Vincent van Gogh born?

32. Who is cooking dinner in the kitchen?

33. When did your family go to Lang Co Bay?

34. You shouldn't speak loudly in a museum.

35. Our class might visit the amusement park this weekend.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

1.

Kiến thức: Cách phát âm "s"**Giải thích:**A. study /'stʌdi/B. sleep /sli:p/C. school /sku:l/D. island /'aɪlənd/

Phần gạch chân phương án D không được phát âm, còn lại phát âm là /s/.

Đáp án D.

2.

Kiến thức: Cách phát âm "ed"**Giải thích:**A. improved /ɪm'pru:vɪd/B. waited /'weɪtɪd/C. collected /kə'lektɪd/D. attended /ə'tendɪd/

Cách phát âm đuôi "ed":

+ Đuôi "ed" được phát âm là /t/ khi động từ có phát âm kết thúc là /tʃ/, /θ/, /ʃ/, /s/, /k/, /p/, /f/

+ Đuôi "ed" được phát âm là /ɪd/ khi động từ có phát âm kết thúc là /t/, /d/

+ Đuôi "ed" được phát âm là /d/ với các trường hợp còn lại

Phần gạch chân phương án A phát âm là /d/, còn lại phát âm là /ɪd/.

Đáp án A.

3.

Kiến thức: Cách phát âm "a"**Giải thích:**

- A. plane /pleɪn/
- B. camping /'kæmpɪŋ/
- C. kayaking /'kaɪækɪŋ/
- D. rafting /'ræftɪŋ/

Phần gạch chân phương án A phát âm là /eɪ/, còn lại phát âm là /æ/.

Đáp án A.

4.

Kiến thức: Cách phát âm “e”

Giải thích:

- A. best /best/
- B. tent /tent/
- C. jacket /'dʒækɪt/
- D. get /get/

Phần gạch chân phương án C phát âm là /æ/, còn lại phát âm là /e/.

Đáp án C.

5.

Kiến thức: Cách phát âm “ed”

Giải thích:

- A. checked /tʃekt/
- B. watched /wɒtʃt/
- C. needed /'ni:ded/
- D. wished /wɪʃt/

Cách phát âm đuôi “ed”:

+ Đuôi “ed” được phát âm là /t/ khi động từ có phát âm kết thúc là /tʃ/, /θ/, /ʃ/, /s/, /k/, /p/, /f/

+ Đuôi “ed” được phát âm là /ɪd/ khi động từ có phát âm kết thúc là /t/, /d/

+ Đuôi “ed” được phát âm là /d/ với các trường hợp còn lại

Phần gạch chân phương án C phát âm là /ɪd/, còn lại phát âm là /t/.

Đáp án C.

6.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. rainy – cloudy: mưa – nhiều mây
- B. sunny – cold: nắng – lạnh
- C. sunny – hot: nắng – nóng
- D. stormy – windy: có bão – có gió

Tạm dịch: Mùa hè năm ngoái chúng tôi đi biển Nha Trang. Trời *nắng và nóng* nên ngày nào chúng tôi cũng đi bơi.

Đáp án C.

7.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. action movies (n): phim hành động
- B. documentaries (n): phim tài liệu
- C. cookery shows (n): chương trình nấu ăn
- D. cartoons (n): phim hoạt hình

Tạm dịch: Em gái tôi thích xem các chương trình nấu ăn. Em ấy học rất nhiều công thức nấu ăn ngon.

Đáp án C.

8.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. amusement park (n): công viên giải trí
- B. market (n): chợ
- C. theatre (n): rạp hát
- D. stadium (n): sân vận động

Tạm dịch: Cuối tuần này hãy đến công viên giải trí với chúng tôi. Tôi biết bạn thích đi tàu lượn siêu tốc ở đó.

Đáp án A.

9.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. car (n): ô tô
- B. plane (n): máy bay
- C. bus (n): xe buýt
- D. motorcycle (n): xe máy

Tạm dịch: Ở Hà Nội, tôi thường đi bằng xe buýt. Giá rẻ và khá thuận tiện khi sử dụng phương tiện giao thông công cộng.

Đáp án C.

10.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. circus (n): rạp xiếc

- B. stadium (n): sân vận động
- C. concert hall (n): phòng hoà nhạc
- D. exhibition centre (n): trung tâm triển lãm

Tạm dịch: Linh thích nghe nhạc cổ điển nên thường đến *phòng hoà nhạc*.

Đáp án C.

11.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. slice – kilo: miếng – kilo
- B. bar – packet: thanh – gói
- C. loaf – grams: ổ – gram
- D. can – packet: lon – gói

Tạm dịch: Bạn đang đi đến siêu thị phải không? Bạn có thể mua cho tôi một ổ bánh mì và 300 gram thịt bò được không?

Đáp án C.

12.

Kiến thức: Giới từ

Giải thích:

- A. across (prep): băng qua
- B. to (prep): tới
- C. on (prep): trên
- D. above (prep): bên trên

Tạm dịch: Nhìn kìa! John đang đi băng qua đường.

Đáp án A.

13.

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

- A. will: sẽ
- B. shouldn't: không nên
- C. have to: phải
- D. don't have to: không phải

Tạm dịch: Khi bạn đi cắm trại, bạn phải dọn dẹp nơi đó trước khi về đến nhà.

Đáp án C.

14.

Kiến thức: Thì Tương lai gần

Giải thích: Cách dùng: Đưa ra một giả thuyết ở tương lai, có dấu hiệu.

Cấu trúc: S + am/ is/ are + going to + V_infinite

Tạm dịch: Bầu trời hôm nay trong xanh. Đây sẽ là một ngày đẹp trời!

Đáp án D.

15.

Kiến thức: Câu điều kiện loại 1

Giải thích: Cấu trúc: If + S + V_(s/es), S + will/ can/ may + V_infinite

Cách dùng: Diễn tả 1 điều kiện có thể xảy ra ở hiện tại hoặc tương lai

Tạm dịch: Nếu Peter đến thăm Paris, anh ấy sẽ mua quà lưu niệm cho chúng tôi.

Đáp án B.

16.

Kiến thức: Thì quá khứ đơn

Giải thích: Dấu hiệu nhận biết: “5 years ago” – 5 năm trước => chia thì quá khứ đơn

Thì quá khứ đơn: S + V_ed/ cột 2

Diễn tả 1 hành động đã xảy ra trong quá khứ

Tạm dịch: Ông tôi đã làm chiếc kệ đó để chúng tôi cất sách cách đây 5 năm.

Đáp án B.

17.

Kiến thức: Thì hiện tại tiếp diễn

Giải thích: Cấu trúc: S + am/ is/ are + V_ing

Cách dùng: Diễn tả 1 hành động sẽ xảy ra trong tương lai, có sắp xếp dự định từ trước.

Tạm dịch: Bạn có muốn tham gia bữa tiệc của chúng tôi vào tối thứ sáu này không? - Tôi xin lỗi, tôi không thể. Chúng tôi sẽ đến thăm ông bà vào cuối tuần này.

Đáp án B.

18.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

excited (adj): cảm thấy hào hứng

exciting (adj): thú vị

bored (adj): cảm thấy chán, buồn chán

boring (adj): nhàm chán

Tính từ đuôi “ed” thể hiện cảm xúc, tính từ đuôi “ing” thể hiện bản chất

Tạm dịch: Tôi đã rất hào hứng để xem bộ phim mới nhất nhưng nó thật nhàm chán.

Đáp án A.

19.

Kiến thức: Câu điều kiện loại 1

Giải thích: Cấu trúc: S + will/ can/ may + V_infinite if + S + V_(s/es).

Cách dùng: Diễn tả 1 điều kiện có thể xảy ra ở hiện tại hoặc tương lai

Tạm dịch: Chúng ta sẽ trả ít hơn nếu chúng ta đặt vé ngay bây giờ.

Đáp án C.

20.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích: Tính từ sở hữu luôn đứng trước danh từ

Đại từ sở hữu đóng vai trò làm chủ ngữ/ tân ngữ, không đi kèm danh từ

Tạm dịch: Đây là vợ của bạn phải không? Anna và Steve nói rằng chúng không phải vợ của họ.

Đáp án C.

21.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Marie Curie sinh ra tại Pháp vào ngày 7 tháng 11 năm 1867.

Thông tin: Marie Curie was born in Warsaw, Poland on November 7, 1867.

Tạm dịch: Marie Curie sinh ra ở Warsaw, Ba Lan vào ngày 7 tháng 11 năm 1867.

Đáp án F.

22.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Bà ấy chuyển đến Pháp để tiếp tục việc học của mình vì những ngày đó con gái không đến trường.

Thông tin: Girls did not go to school in those days, so Marie and her sister, Bronislawa, saved enough money to study in France.

Tạm dịch: Những ngày đó, con gái không được đến trường nên Marie và em gái, Bronislawa, đã tiết kiệm đủ tiền để sang Pháp du học.

Đáp án T.

23.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Marie mất bốn năm để hoàn thành bằng đại học của mình.

Thông tin: Within three years, Marie completed degrees in physics and maths.

Tạm dịch: Trong vòng ba năm, Marie đã hoàn thành các bằng cấp về vật lý và toán học.

Đáp án F.

24.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Marie kết hôn với một nhà khoa học người Pháp tên là Pierre Curie vào năm 1895.

Thông tin: She began working with a French scientist, Pierre Curie. They got married in 1895.

Tạm dịch: Bà bắt đầu làm việc với một nhà khoa học người Pháp là Pierre Curie. Họ kết hôn vào năm 1895.

Đáp án T.

25.

Kiến thức: Đọc hiểu**Giải thích:** Marie đã giành được hai giải Nobel.**Thông tin:** Marie Curie was a Polish-French scientist who won two Nobel prizes.**Tạm dịch:** Marie Curie là một nhà khoa học người Pháp gốc Ba Lan đã giành được hai giải Nobel.**Đáp án T.****Dịch bài đọc:**

MARIE CURIE

Marie Curie là một nhà khoa học người Pháp gốc Ba Lan đã giành được hai giải Nobel. Công việc của bà tập trung vào phóng xạ.

Marie Curie sinh ra ở Warsaw, Ba Lan vào ngày 7 tháng 11 năm 1867. Cha mẹ của bà là những giáo viên coi trọng giáo dục. Những ngày đó, con gái không được đến trường nên Marie và em gái, Bronislawa, đã tiết kiệm đủ tiền để sang Pháp du học. Năm 1891, Maria vào Sorbonne, một trường đại học ở Paris. Trong vòng ba năm, Marie đã hoàn thành các bằng cấp về vật lý và toán học. Bà bắt đầu làm việc với một nhà khoa học người Pháp là Pierre Curie. Họ kết hôn vào năm 1895.

Năm 1896, một nhà khoa học người Pháp tên là Henri Becquerel đã phát hiện ra những tia năng lượng bất thường từ uranium. Marie bắt đầu nghiên cứu nó, và bà ấy đặt tên là phóng xạ. Năm 1898, nhà Curie công bố khám phá ra radium và polonium. Năm 1903, gia đình Curies chia sẻ giải Nobel Vật lý với Becquerel.

Sau khi Pierre qua đời vào năm 1906, Marie tiếp tục nghiên cứu của họ. Bà cũng trở thành nữ giáo sư đầu tiên tại Sorbonne. Năm 1911, bà đoạt giải Nobel Hóa học. Marie không nhận ra rằng làm việc với chất phóng xạ có thể khiến bà bị bệnh. Bà mất ngày 4 tháng 7 năm 1934.

26.

Kiến thức: Thì hiện tại tiếp diễn**Giải thích:**

- A. will + V_infinite: sẽ làm gì
- B. should + V_infinite: nên làm gì
- C. should travel: nên đi
- D. won't travel: sẽ không đi

When you're here, you (1) **should travel** to see some of Vietnam's natural wonders.

Tạm dịch: Khi ở đây, bạn nên đi du lịch để ngắm một số kỳ quan thiên nhiên của Việt Nam.**Đáp án C.**

27.

Kiến thức: Từ vựng**Giải thích:**

- A. waterfall (n): thác nước
- B. mountain (n): núi

C. park (n): công viên

D. river (n): sông

Moc Chau Highland and Cuc Phuong National (2) **park** are two beautiful places ...

Tạm dịch: Cao nguyên Mộc Châu và vườn quốc gia Cúc Phương là hai địa điểm đẹp ...

Đáp án C.

28.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. west (n): phía tây

B. north (n): phía bắc

C. south (n): phía nam

D. east (n): phía đông

... in the (3) **north** of Vietnam.

Tạm dịch: ... ở miền Bắc Việt Nam.

Đáp án B.

29.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. train (n): tàu hoả

B. bike (n): xe đạp

C. boat (n): thuyền

D. taxis (n): taxi

We can go to both places by (4) **train** or bus.

Tạm dịch: Chúng ta có thể đến cả hai nơi bằng tàu hỏa hoặc xe buýt.

Đáp án A.

30.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. highland (n): cao nguyên

B. island (n): đảo

C. waterfall (n): thác nước

D. mountain (n): núi

You should also go to Phu Quoc (5) **island** and Lang Co Bay.

Tạm dịch: Bạn cũng nên đến đảo Phú Quốc và Vịnh Lăng Cô.

Đáp án B.

Dịch bài đọc:

Julie thân mến,

Tôi rất vui vì bạn sẽ đến Việt Nam trong kỳ nghỉ của mình. Việt Nam rất đẹp! Khi ở đây, bạn nên đi du lịch để ngắm một số kỳ quan thiên nhiên của Việt Nam. Cao nguyên Mộc Châu và vườn quốc gia Cúc Phương là hai địa điểm đẹp ở miền Bắc Việt Nam. Có một số ngôi làng xinh đẹp, những khu rừng rộng lớn và những thác nước tuyệt vời. Chúng ta có thể đến cả hai nơi bằng tàu hỏa hoặc xe buýt. Bạn cũng nên đến đảo Phú Quốc và Vịnh Lăng Cô. Nơi đó có những bãi biển cát trắng. Bạn nên đi lặn biển và lặn với ống thở ở đó. Những nơi này cũng nổi tiếng với đồ hải sản ngon. Chúng ta có thể tham quan Phú Quốc bằng máy bay hoặc tàu.

Hẹn sớm gặp lại,

Minh.

31.

Kiến thức: Thì quá khứ đơn

Giải thích: Vincent van Gogh đã sinh ra ở Hà Lan.

Phần gạch chân “in the Netherlands” – ở Hà Lan => dùng từ để hỏi “where” – ở đâu

Câu hỏi có từ để hỏi của câu bị động ở thì quá khứ đơn: Wh- + was/ were + S + P2 + ...?

Tạm dịch: Vincent van Gogh đã sinh ra ở đâu?

Đáp án: Where was Vincent van Gogh born?

32.

Kiến thức: Thì hiện tại tiếp diễn

Giải thích: Mẹ tôi đang nấu bữa tối trong bếp.

Phần gạch chân: “My mom” – mẹ của tôi => dùng từ để hỏi “who” – ai

Câu hỏi có từ để hỏi ở thì hiện tại tiếp diễn: Wh- + am/ is/ are + S + V_ing + ...?

Phần gạch chân đóng vai trò làm chủ ngữ => chỉ cần thay chủ ngữ bằng từ để hỏi

Tạm dịch: Ai đang nấu bữa tối trong bếp?

Đáp án: Who is cooking dinner in the kitchen?

33.

Kiến thức: Thì quá khứ đơn

Giải thích: Gia đình chúng tôi đã đến Vịnh Lăng Cô vào kỳ nghỉ hè năm ngoái.

Phần gạch chân: “last summer holiday” – kỳ nghỉ hè năm ngoái => dùng từ để hỏi “when” – khi nào

Câu hỏi có từ để hỏi ở thì quá khứ đơn: Wh- + did + S + V_infinite + ...?

Tạm dịch: Gia đình bạn đã đi Vịnh Lăng Cô khi nào?

Đáp án: When did your family go to Lang Co Bay?

34.

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích: It isn't a good idea to + V_infinite: Thật không phải ý hay khi làm gì

= S + shouldn't + V_infinite: Ai đó không nên làm gì

Tạm dịch: Thật không phải ý hay khi nói to trong bảo tàng.

= Bạn không nên nói to trong bảo tàng.

Đáp án: You shouldn't speak loudly in a museum.

35.

Kiến thức: Câu điều kiện loại 1

Giải thích: It's a possibility that + S + will + V_infinite: Có khả năng là ai đó sẽ làm gì

= S + might + V_infinite: Ai đó có thể làm gì

Tạm dịch: Có khả năng lớp chúng ta sẽ đến thăm công viên giải trí vào cuối tuần này.

= Lớp chúng ta có thể đến thăm công viên giải trí vào cuối tuần này.

Đáp án: Our class might visit the amusement park this weekend.